TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/**2025/HNGĐ-ST
Ngày 16/6/2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng và ông Hoàng Văn Hùng.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Hữu T - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 576/2024/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số: 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Bàn Thị C**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Anh **Trần Trọng B**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị C và anh Trần Trọng B kết hôn với nhau vào năm 2020, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 12/6/2020 theo quy định của pháp luật *(Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 12/6/2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang).* Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn Đ, xã H cùng với gia đình anh B. Cuộc sống chung của hai vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, không có hạnh phúc, vợ chồng hiện sống ly thân. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Xác

định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tháng 12 năm 2024 chị Bàn Thị C có đơn khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Trọng B.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Trọng B trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, suy nghĩ không còn hiểu nhau, anh B không quan tâm tới gia đình nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nói nhau. Đời sống chung của hai vợ chồng luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Nay chị C có quan điểm đề nghị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Trọng B.

* Về con chung: Chị Bàn Thị C và anh Trần Trọng B không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

* Về tài sản, vay nợ chung: Chị Bàn Thị C và anh Trần Trọng B không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

* Kết quả xác minh thể hiện: Chị Bàn Thị C và anh Trần Trọng B đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh chị đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 12/6/2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, tuy nhiên những năm gần đây thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ không hiểu nhau, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau hôn nhân luôn trong tình trạng căng thẳng, không hạnh phúc, vợ chồng đang sống ly thân. Mâu thuẫn đã được gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không thành.

Anh Trần Trọng B làm lao động tự do và đang đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương. Sau khi đi làm ăn xa thỉnh thoảng anh B mới trở về địa phương. Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh B vẫn không đến Toà án làm việc. Do vậy Toà án nhân dân huyện Sơn Dương chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn và không tiến hành hoà giải được.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn anh Trần Trọng B không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Chị Bàn Thị C và anh Trần Trọng B kết hôn vào năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng đang sống ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị HĐXX xử cho chị Bàn Thị C được ly hôn với

anh Trần Trọng B; về con chung, tài sản, vay nợ chung: Chị Bàn Thị C và anh Trần Trọng B không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Bàn Thị C đề nghị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Trọng B (hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang); con chung, tài sản chung, vay nợ chung không có, không đề nghị Toà án giải quyết. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là *"Ly hôn"*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập anh Trần Trọng B nhiều lần nhưng anh B không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên toà, nguyên đơn chị Bàn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Trần Trọng B tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị C và anh Trần Trọng B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 12/6/2020 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện đang sống ly thân. Tháng 12 năm 2024 chị Bàn Thị C có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Trọng B. Căn cứ vào lời khai của chị C và kết quả xác minh thể hiện từ giữa năm 2021 chị C và anh Bình thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ không hiểu nhau, hôn nhân luôn trong tình trạng căng thẳng, không hạnh phúc, vợ chồng hiện đang sống ly thân.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Bàn Thị C và anh Trần Trọng B có hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện đang sống ly thân nên xác định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, Xử cho chị Bàn Thị C được ly hôn với anh Trần Trọng B.

2.2. Về con chung: Chị Bàn Thị C và anh Trần Trọng B không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Bàn Thị C và anh Trần Trọng B không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Bàn Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị C được ly hôn với anh Trần Trọng B.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về án phí: Chị Bàn Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002533193, ngày 23/12/2024 của Công ty cổ phần T1 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 0001679 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Bàn Thị C đã nộp đủ án phí của vụ án.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- UBND xã Hợp Hoà (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Hồng Chiến